

## PHỤ LỤC II

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /2025/QĐ-UBND ngày       tháng       năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

### I. TRỒNG RỪNG THUẦN LOÀI

#### 2. Trồng rừng Lát hoa

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT             | Số lượng                                                                   | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |                 |                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng.</li><li>- Tuổi cây: Từ 7 - 9 tháng tuổi, tính từ thời điểm cấy cây con vào bầu.</li><li>- Chiều cao cây: <math>\geq 70</math> cm.</li><li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,6</math> cm.</li><li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 13</math> cm; chiều cao <math>\geq 16</math> cm; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ.</li><li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có sâu, bệnh hại.</li></ul> |
| -   | Trồng thuần loài                                        |                 |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| +   | Đối với trồng rừng sản xuất                             | cây/ha          | 556 hoặc 833                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| +   | Đối với trồng rừng phòng hộ                             | cây/ha          | 600 đến 833                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên                            | cây/ha          | Tối đa 500                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha          | Tối đa 800 cây (tính cả cây tái sinh mục đích)                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | % cây trồng mới | 10                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Phân bón                                                |                 |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                 | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây, hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

### 3. Trồng rừng Keo lai

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                 | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | cây/ha          | Từ 1.333 đến 1.600                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được tạo ra bằng phương pháp nhân giống bằng hom hoặc bằng nuôi cấy mô; cây đem trồng phải là cây có bầu;</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hom: Hom được thu từ vườn cây đầu dòng quy định trong TCVN 8760-1:2017.</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ nuôi cấy mô: Từ cây mầm mô đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại bảng 4 hoặc cây mô rễ trần đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại bảng 5 của TCVN 14289: 2024.</li> </ul>                                                                                                                                                                                               |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuổi cây:</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hom: Từ 2 tháng đến 4 tháng, kể từ khi hom giống được cấy vào bầu;</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ nuôi cấy mô: Từ 2 tháng đến 5 tháng, kể từ khi cây được cấy vào bầu.</li> <li>- Đường kính gốc (đường kính cổ rễ): Tối thiểu 0,3 cm.</li> <li>- Chiều cao cây: Tối thiểu 30 cm.</li> <li>- Bầu cây: Túi bầu không có giá thể, kích thước có chiều rộng tối thiểu 6 cm, chiều dài tối thiểu 10 cm.</li> <li>- Số lá: Tối thiểu 8 lá trên một cây.</li> <li>- Cây khỏe, đầy đủ các bộ phận, lá màu xanh, không bị tổn thương cơ giới; không phát hiện bị sâu hoặc bệnh hại</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,2 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,2 kg/cây                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

#### 4. Trồng rừng Keo tai tượng

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                   | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----|-------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | Cây/ha          | Từ 1.333 hoặc 1.600                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được tạo từ hạt giống có nguồn gốc rõ ràng hoặc thu hái từ các nguồn giống được công nhận.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 3 tháng đến 5 tháng tuổi kể từ khi hạt được cấy vào bầu.</li> </ul>                                                                                                                                            |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính gốc (đường kính cổ rễ): Tối thiểu 0,2 cm</li> <li>- Chiều cao cây: Tối thiểu 25 cm</li> <li>- Bầu cây: Túi bầu không có giá thể, kích thước có chiều rộng tối thiểu 6 cm, chiều dài tối thiểu 10 cm.</li> <li>- Cây khỏe, đầy đủ các bộ phận, lá màu xanh, không bị tổn thương cơ giới; không phát hiện bị sâu hoặc bệnh hại</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,2 đến 0,3 kg/cây, hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,2 kg/cây                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

## 5. Trồng rừng Giổi xanh

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng;</li> <li>- Tuổi cây: Từ 10 - 12 tháng, kể từ khi cấy cây con vào bầu;</li> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,7</math> cm;</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 60</math> cm;</li> <li>- Bầu cây: Đường kính bầu <math>\geq 13</math>cm, chiều cao bầu <math>\geq 16</math>cm; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng thuần loài                                        | cây/ha          | 606 hoặc 833                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên                            | cây/ha          | Tối đa 500                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha          | Tối đa 800 cây (tính cả cây tái sinh mục đích)                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Phân bón                                                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 kg/cây         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                 | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

## 8. Trồng rừng Thông Nhựa

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | cây/ha          | Một trong các mật độ: 1.667; 2.000; 2.500; 3.333                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Thu từ nguồn giống được công nhận.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 12 - 24 tháng kể từ khi gieo hạt nứt nanh hoặc cấy cây mầm vào bầu.</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 15</math> cm tính từ mặt bầu.</li> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,8</math> cm</li> </ul>                     |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 8</math> cm, chiều cao <math>\geq 15</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5 - 1 cm, bầu không bị vỡ, biến dạng.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không phát hiện có sâu, bệnh hại trong lô cây giống.</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## 9. Trồng rừng Thông ba lá

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                   | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|-------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | cây/ha          | Một trong các mật độ: 1.667; 2.000; 2.500.                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được thu từ nguồn giống được công nhận.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 6 - 8 tháng, kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu.</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 20</math> cm tính từ mặt bầu.</li> </ul>                                                                                                                                          |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,6</math> cm.</li> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 8</math> cm, chiều cao <math>\geq 15</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5 - 1 cm, bầu không bị vỡ, biến dạng.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh, lá màu xanh, không bị vóng lứt; không phát hiện có sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây, hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

### 10. Trồng rừng Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa)

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                        | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|-------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | cây/ha          | Một trong các mật độ:<br>1.667; 2.000; 2.500.                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được thu từ nguồn giống được công nhận.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 6 - 9 tháng, kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu.</li> <li>- Chiều cao cây: Từ 25 - 30 cm.</li> <li>- Đường kính cổ rễ: Từ 0,3 - 0,4 cm.</li> </ul>                                                                                                   |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thái cây: Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh.</li> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 8</math> cm, chiều cao <math>\geq 12</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1 cm, bầu không bị vỡ.</li> <li>- Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh; không có dấu hiệu bị sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3<br>kg/cây                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3<br>kg/cây hoặc phân hữu cơ<br>vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

## 11. Trồng rừng Bạch đàn lai

| STT | Loại vật tư                                                            | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới (chỉ trồng rừng sản xuất)                                |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc: Từ cây mầm, cây mô rễ trần (đối với cây nuôi cấy mô) hoặc hom (đối với cây giâm hom) được tạo ra từ vật liệu giống gốc.</li> <li>- Tuổi cây: 2 - 4 tháng, kể từ khi cây được cấy/giâm vào bầu.</li> <li>- Đường kính cổ rễ: 0,3 - 0,4 cm;</li> <li>- Chiều cao: 20 đến 35 cm (đối với cây nuôi cấy mô), 25 cm đến 35 cm (đối với cây giâm hom).</li> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 6</math> cm, chiều cao <math>\geq 10</math> cm, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm; bầu không bị vỡ, không biến dạng.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe, không có biểu hiện bị sâu bệnh gây hại, có từ 14 - 16 lá.</li> </ul> |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn                                           | cây/ha          | Từ 1.111 đến 1.333                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn kết hợp gỗ nhỏ hoặc chỉ kinh doanh gỗ nhỏ | cây/ha          | Một trong các mật độ: 1667; 2000; 2500; 3300                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 2   | Cây trồng dặm                                                          | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 3   | Phân bón                                                               |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                                        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                                | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |



## 12. Trồng rừng Bạch đàn urô

| STT | Loại vật tư                                                            | DVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới (chỉ trồng rừng sản xuất)                                |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được tạo ra từ nguồn giống được công nhận đối với cây hạt; từ vườn cây đầu dòng đối với cây hom và cây mô.</li> <li>- Tuổi cây:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với cây con ươm từ hạt, có bầu: Từ 3 - 4 tháng tuổi, kể từ khi hạt nứt nanh được cấy vào bầu;</li> <li>+ Đối với cây con từ hom và cây con từ mô, có bầu: Từ 2 - 4 tháng tuổi, kể từ khi cây được cấy vào bầu.</li> </ul> </li> <li>- Chiều cao:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cây con từ hạt, có bầu: Cao từ 30 - 40 cm.</li> <li>+ Cây con từ hom, có bầu: Cao từ 25 - 35 cm, có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh.</li> <li>+ Cây con từ mô, có bầu: Cao từ 20 - 35 cm, có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh.</li> </ul> </li> <li>- Đường kính cổ rễ: Từ 0,3 cm đến 0,4 cm;</li> <li>- Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 7 cm, chiều cao tối thiểu 10 cm, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa là 1cm, bầu không bị vỡ.</li> <li>- Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn                                           | cây/ha          | Từ 1.111 đến 1.333                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn kết hợp gỗ nhỏ hoặc chỉ kinh doanh gỗ nhỏ | cây/ha          | Một trong các mật độ sau: 1667; 2000; 2500; 3300                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2   | Cây trồng dặm                                                          | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3   | Phân bón                                                               |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                                        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,2 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                                | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**13. Trồng rừng Bò đề**

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|-------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc: Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định, hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận;</li> <li>- Tuổi cây: Từ 6 đến 7 tháng, kể từ khi được cấy vào bầu;</li> <li>- Chiều cao cây: Tối thiểu 50 cm;</li> <li>- Bầu cây: Hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 01 cm;</li> <li>- Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, không có dấu hiệu bị sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Đất hạng I              | cây/ha          | Từ 1.667 đến 2.000                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Đất hạng II             | cây/ha          | Từ 2.000 đến 2.500                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Đất hạng III            | cây/ha          | Từ 2.500 đến 3.333                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |

**18. Trồng rừng Sa mộc (Sa mu)**

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT        | Số lượng                                                                     | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |            |                                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn từ các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng;</li> <li>- Tuổi cây: Từ 12 - 18 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu;</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 35</math> cm;</li> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,4</math> cm;</li> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 10</math> cm; chiều cao <math>\geq 16</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa 1 cm, không bị vỡ bầu;</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng thuần loài (đối với rừng sản xuất)                | cây/ha     | 2.500 hoặc 3.333                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Trồng thuần loài (đối với rừng phòng hộ)                | cây/ha     | Từ 600 đến 1.667                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Trồng làm giàu rừng rự nhiên                            | cây/ha     | Tối đa 500                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha     | Tối đa 800 cây (tính cả cây tái sinh mục đích)                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | %          | 10                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3   | Phân bón                                                |            |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm | Phân NPK: 0,2 đến 0,3 kg/cây                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                 | kg/cây/năm | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 kg đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

**20. Trồng rừng Mỡ**

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |                 |                                                                           | <p>- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng.</p> <p>- Tuổi cây: Từ 4 - 6 tháng tuổi, kể từ khi gieo hạt đã xử lý hoặc cấy cây mầm vào bầu;</p> <p>- Chiều cao cây: <math>\geq 40</math> cm.</p> <p>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,4</math> cm.</p> <p>- Bầu cây: Đường kính bầu <math>\geq 10</math> cm, chiều cao bầu <math>\geq 16</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, bầu không bị vỡ.</p> <p>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu bệnh hại.</p> |
| -   | Trồng thuần loài                                        | cây/ha          | Một trong các mật độ: 1.667; 2000; 2.500                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên                            | cây/ha          | Từ 100 đến 500                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha          |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3   | Phân bón                                                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                 | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

### 23. Trồng rừng Trám trắng

| STT | Loại vật tư                                                        | ĐVT    | Số lượng                                          | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                                      |        |                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với nhân giống bằng hạt:</li> <li>+ Nguồn gốc giống: Hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần, cây trồng phân tán có địa chỉ rõ ràng.</li> <li>+ Tuổi cây: Từ 9 - 12 tháng kể từ khi gieo hạt nứt nanh hoặc cấy cây mầm vào bầu.</li> <li>+ Chiều cao cây: <math>\geq 60</math> cm.</li> <li>+ Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,6</math> cm.</li> <li>+ Bầu cây: Đường kính <math>\geq 13</math> cm, chiều cao <math>\geq 16</math> cm, hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ.</li> <li>+ Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lúot; không phát hiện sâu bệnh hại trong lô cây giống.</li> <li>- Đối với nhân giống bằng phương pháp ghép:</li> <li>+ Nguồn gốc giống: Cành ghép là những cành bánh tẻ của những cây có nguồn giống được công nhận hoặc từ cây trội đã chọn phù hợp với gốc ghép về đường kính;</li> <li>+ Tuổi cây: 21 tháng, gồm 12 tháng cây làm gốc ghép và 09 tháng kể từ khi ghép;</li> <li>+ Chiều cao chồi mới từ cành ghép: <math>\geq 20</math> cm;</li> <li>+ Số lá trên chồi mới: Ít nhất 6 lá kép dạng bánh tẻ;</li> <li>+ Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, vết ghép chắc chắn; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.</li> </ul> |
| 1   | Cây trồng mới                                                      |        |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Trồng thuần loài (đối với trồng rừng sản xuất)                     |        |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| +   | Trồng bằng cây ghép                                                | cây/ha | 500                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| +   | Trồng bằng cây gieo ươm từ hạt                                     | cây/ha | 1.667                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên (trồng bằng loài cây gieo ươm từ hạt) | cây/ha | Một trong các mật độ: 625; 416; 312               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung            | cây/ha | Tối đa 800 cây/ha (tính cả cây tái sinh mục đích) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Trồng xen cây nông nghiệp:                                         |        |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| STT | Loại vật tư                    | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống |
|-----|--------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| +   | Trồng bằng cây ghép            | cây/ha          | 333                                                                       |                              |
| +   | Trồng bằng cây gieo ươm từ hạt | cây/ha          | 500                                                                       |                              |
| 2   | Cây trồng dặm                  | % cây trồng mới | 10                                                                        |                              |
| 3   | Phân bón                       |                 |                                                                           |                              |
| -   | Năm 1 (bón lót)                | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây                                              |                              |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1,0 đến 2,0 kg/cây |                              |

## 24. Trồng rừng cây Trám đen

| STT | Loại vật tư                                                                         | ĐVT    | Số lượng                            | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                                                       |        |                                     | <p>- Đối với nhân giống bằng hạt:</p> <p>+ Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây trội được chọn từ các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng.</p> <p>+ Tuổi cây: Từ 10 - 14 tháng tuổi, kể từ khi gieo hạt nứt nanh hoặc cấy cây mầm vào bầu.</p> <p>+ Chiều cao cây: <math>\geq 70</math> cm.</p> <p>+ Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,6</math> cm.</p> <p>+ Bầu cây: Đường kính <math>\geq 10</math>cm; chiều cao <math>\geq 16</math>cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa 1cm, không bị vỡ, bẹp bầu.</p> <p>+ Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.</p> <p>- Đối với nhân giống bằng phương pháp ghép:</p> <p>+ Nguồn gốc giống: Cành ghép là những cành bánh tẻ của những cây có nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ đã chọn.</p> <p>+ Tuổi cây: 09 tháng kể từ khi ghép;</p> <p>+ Chiều cao chồi mới từ cành ghép: <math>\geq 25</math> cm;</p> <p>+ Số lá trên chồi mới: Ít nhất 6 lá kép dạng bánh tẻ;</p> <p>+ Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, vết ghép chắc chắn; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.</p> |
| -   | Trồng thuần loài (đối với trồng rừng sản xuất)                                      |        |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| +   | Trồng bằng cây ghép                                                                 | cây/ha | 500                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| +   | Trồng bằng cây gieo ươm từ hạt                                                      | cây/ha | 1.667                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng thuần loài (đối với trồng rừng phòng hộ, trồng bằng loài cây gieo ươm từ hạt) | cây/ha | Từ 600 đến 1.667                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên (trồng bằng loài cây gieo ươm từ hạt)                  | cây/ha | Một trong các mật độ: 625; 416; 312 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung                             | cây/ha | Tối đa 500                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng xen cây nông nghiệp                                                           |        |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

| STT | Loại vật tư                    | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống |
|-----|--------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| +   | Trồng bằng cây ghép            | cây/ha          | 333                                                                       |                              |
| +   | Trồng bằng cây gieo ươm từ hạt | cây/ha          | 500                                                                       |                              |
| 2   | Cây trồng dặm                  | % cây trồng mới | 10                                                                        |                              |
| 3   | Phân bón                       |                 |                                                                           |                              |
| -   | Năm 1 (bón lót)                | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây                                              |                              |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 1,0 đến 2,0 kg/cây |                              |



## 27. Trồng rừng Hôi

| STT | Loại vật tư                                    | ĐVT             | Số lượng                                                               | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                  |                 |                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân giống bằng hạt:</li> <li>+ Nguồn gốc: Lấy từ cây mẹ/cây trội có nguồn gốc rõ ràng.</li> <li>+ Tuổi cây: <math>\geq 18</math> tháng tuổi kể từ khi cấy cây con vào bầu;</li> <li>+ Chiều cao cây: <math>\geq 40</math> cm;</li> <li>+ Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,5</math> cm;</li> <li>+ Bầu cây: Đường kính từ 9 - 12cm; chiều cao từ 12 - 15 cm, bầu đất có từ 6 - 8 lỗ ở phía đáy bầu và quanh thành bầu; hỗn hợp ruột bầu dày ngang mặt bầu, không bị vỡ;</li> <li>+ Cây sinh trưởng, phát triển tốt; khỏe mạnh, lá xanh, không cụt ngọn, không có dấu hiệu của các loại sâu bệnh hại.</li> <li>- Nhân giống bằng phương pháp ghép:</li> <li>+ Nguồn gốc: Có nguồn gốc rõ ràng theo quy định;</li> <li>+ Tuổi cây: Tối thiểu 8 tháng tuổi, tính từ khi ghép;</li> <li>+ Chiều cao: Chồi mới từ cánh ghép có chiều cao tối thiểu 20 cm;</li> <li>+ Chồi chính phát triển tốt, khỏe mạnh, không cụt ngọn, không có dấu hiệu của các loại sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng thuần loài                               | cây/ha          | Từ 400 đến 500                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Trồng xen cây nông nghiệp (chủ yếu là cây chè) | cây/ha          | 400                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 2   | Cây trồng dặm                                  | % cây trồng mới | 10                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3   | Phân bón                                       |                 |                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                | kg/cây/năm      | 0,5 đến 1,0 kg phân hữu cơ vi sinh kết hợp 0,1 đến 0,2 kg phân NPK/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

**30. Trồng rừng Vôi thuốc**

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 12 - 14 tháng tuổi, kể từ khi cấy cây con vào bầu;</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 80</math> cm.</li> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,8</math> cm.</li> <li>- Bầu cây: Đường kính <math>\geq 10</math> cm; chiều cao <math>\geq 16</math> cm; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không biểu hiện sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng thuần loài                                        |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| +   | Nơi đất tốt, chu kỳ kinh doanh trên 25 năm              | cây/ha          | Từ 833 đến 1.111                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| +   | Nơi đất xấu, chu kỳ kinh doanh dưới 25 năm              | cây/ha          | Từ 1.333 đến 1.667                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên                            | cây/ha          | Một trong các mật độ: 625; 416; 312                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha          | Tối đa 800 cây/ha (tính cả cây tái sinh mục đích)                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 3   | Phân bón                                                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)                        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

**34. Trồng rừng Sao đen**

| STT | Loại vật tư                                             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|---------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                           |                 |                                                                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 10 - 12 tháng tuổi, kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu;</li> <li>- Chiều cao cây: <math>\geq 80</math> cm.</li> <li>- Đường kính cổ rễ: <math>\geq 0,6</math> cm.</li> <li>- Bầu cây: Đường kính bầu <math>\geq 10</math>cm, chiều cao bầu <math>\geq 16</math> cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, bầu không bị vỡ.</li> <li>- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.</li> </ul> |
| -   | Trồng thuần loài (đối với trồng rừng sản xuất)          | cây/ha          | 500 hoặc 833                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng thuần loài (đối với trồng rừng phòng hộ)          | cây/ha          | Từ 600 đến 833                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Trồng làm giàu rừng tự nhiên                            | cây/ha          | Tối đa 500 cây                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung | cây/ha          | Tối đa 800 cây (tính cả cây tái sinh mục đích)                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 2   | Cây trồng dặm                                           | % cây trồng mới | 10                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3   | Phân bón                                                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                 | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

**35. Trồng rừng Bời lời đỏ**

| STT | Loại vật tư                                            | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới                                          |                 |                                                                           | - Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng.                                                              |
| -   | Trồng thuần loài                                       | cây/ha          | Từ 2.000 đến 2.500                                                        | - Tuổi cây: Tối thiểu 8 tháng tuổi, kể từ khi cấy cây con vào bầu.<br>- Chiều cao cây: $\geq 40\text{cm}$ .                                                                                       |
| -   | Trồng xen cây nông nghiệp (trồng che bóng cho cây chè) | cây/ha          | Từ 400 đến 500                                                            | - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,4\text{ cm}$ .<br>- Bầu cây: Đường kính bầu $\geq 9\text{ cm}$ , chiều cao bầu $\geq 13\text{ cm}$ ; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, bầu không bị vỡ. |
| 2   | Cây trồng dặm                                          | % cây trồng mới | 10                                                                        | - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, không nhiều thân, cây khỏe mạnh, không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.                                                                                              |
| 3   | Phân bón                                               |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Năm 1 (bón lót)                                        | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5kg/cây  |                                                                                                                                                                                                   |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc)                                | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,3 đến 0,5 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                   |

### 36. Trồng rừng Keo lá tràm

| STT | Loại vật tư                                 | ĐVT             | Số lượng           | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------|-----------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới (trồng rừng sản xuất)         |                 |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được tạo ra bằng phương pháp nhân giống bằng hạt hoặc bằng hom hoặc bằng nuôi cấy mô; cây đem trồng phải là cây có bầu;</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hạt: Được tạo từ hạt giống có nguồn gốc rõ ràng hoặc thu hái từ các nguồn giống được công nhận.</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hom: Hom được thu từ vườn cây đầu dòng quy định trong TCVN 8760-1:2017.</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ nuôi cấy mô: Từ cây mầm mô đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại bảng 4 hoặc cây mô rễ trần đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại bảng 5 của TCVN 14289: 2024.</li> <li>- Tuổi cây:</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hạt: Từ 3 tháng đến 5 tháng tuổi kể từ khi hạt được cấy vào bầu.</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hom: Từ 2 tháng đến 4 tháng kể từ khi hom giống được cấy vào bầu;</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ nuôi cấy mô: Từ 2 tháng đến 5 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu</li> <li>- Đường kính gốc (đường kính cổ rễ): Tối thiểu 0,2 cm (áp dụng đối với cả bằng phương pháp nhân giống bằng hạt hoặc bằng hom hoặc bằng nuôi cấy mô)</li> <li>- Chiều cao cây:</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hạt và cây giống gieo ươm từ nuôi cấy mô: Tối thiểu 25 cm;</li> <li>+ Đối với cây giống gieo ươm từ hom: Tối thiểu 30 cm.</li> <li>- Bầu cây (áp dụng đối với phương pháp nhân giống bằng hạt hoặc bằng hom hoặc bằng nuôi cấy mô): Túi</li> </ul> |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn                | cây/ha          | Từ 1.111 đến 1.333 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ lớn kết hợp gỗ nhỏ | cây/ha          | Từ 1.333 đến 1.667 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| -   | Trồng rừng kinh doanh gỗ nhỏ                | cây/ha          | 2.000 hoặc 2.500   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 2   | Cây trồng dặm                               | % cây trồng mới | 10                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| STT | Loại vật tư             | ĐVT        | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|-----|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                         |            |                                                                           | bầu không có giá thể, kích thước có chiều rộng tối thiểu 6 cm, chiều cao tối thiểu 10 cm<br>- Số lá (Đối với cây giống gieo ươm từ hom và từ nuôi cấy mô): Tối thiểu 8 lá trên một cây<br>- Cây khỏe, đầy đủ các bộ phận, lá màu xanh, không bị tổn thương cơ giới; không phát hiện bị sâu hoặc bệnh hại |
| 3   | Phân bón                |            |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,3 đến 0,5 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

**37. Trồng rừng Keo lười liềm (Keo lá liềm)**

| STT | Loại vật tư             | ĐVT             | Số lượng                                                                  | Tiêu chuẩn, chất lượng giống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|-------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Cây trồng mới           | cây/ha          | Từ 2.000 đến 2.500                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn gốc giống: Được tạo từ hạt giống có nguồn gốc rõ ràng hoặc thu hái từ các nguồn giống được công nhận.</li> <li>- Tuổi cây: Từ 3 tháng đến 5 tháng tuổi kể từ khi hạt được cấy vào bầu.</li> </ul>                                                                                                                                              |
| 2   | Cây trồng dặm           | % cây trồng mới | 10                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính gốc (đường kính cổ rễ): Tối thiểu 0,2 cm.</li> <li>- Chiều cao cây: Tối thiểu 25 cm</li> <li>- Bầu cây: Túi bầu không có giá thể, kích thước có chiều rộng tối thiểu 6 cm, chiều cao tối thiểu 10 cm.</li> <li>- Cây khỏe, đầy đủ các bộ phận, lá màu xanh, không bị tổn thương cơ giới; không phát hiện bị sâu hoặc bệnh hại.</li> </ul> |
| 3   | Phân bón                |                 |                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| -   | Năm 1 (bón lót)         | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,2 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,2 kg/cây                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| -   | Năm 2, năm 3 (bón thúc) | kg/cây/năm      | Phân NPK: 0,1 đến 0,3 kg/cây hoặc phân hữu cơ vi sinh: 0,5 đến 1,0 kg/cây |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |